

Số: **4304** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **23** tháng **11** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 65 thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016, Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 594 /QĐ-UBND ngày 18/8/2009; Quyết định số 1639/QĐ-CTUBND ngày 08/8/2012, Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 25/9/2015, Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; bãi bỏ thủ tục hành chính “Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý” thuộc lĩnh vực nông nghiệp đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 và bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, K2.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Châu
Trần Châu

Phụ lục

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Lâm nghiệp dưới hình thức “Bản Sao y bản chính”

(Kèm theo Quyết định số **430A** /QĐ-UBND ngày **23** / **11** /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	Lâm nghiệp	UBND tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
2	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	Lâm nghiệp	UBND tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
3	Cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyển sang trồng cao su của tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
4	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	Lâm nghiệp	- Chi cục Kiểm lâm đối với các loài động vật trên cạn. - Chi cục Thủy sản đối với các loài thủy sinh.
6	Thẩm định, Phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT



	dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý		(Chi cục Kiểm lâm)
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
8	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
9	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
10	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
11	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
12	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
13	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
14	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
15	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT

			(Chi cục Kiểm lâm)
16	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
17	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
18	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	- Chi cục Kiểm lâm đối với khu rừng đặc dụng. - Chi cục Thủy sản đối với khu bảo tồn biển.
19	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
20	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
21	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trọt; lâm phân tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
22	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
23	Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý)	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
24	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
25	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)



26	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
27	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm
28	Giao nộp gấu cho nhà nước	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm
29	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng (đối với địa phương không có Hạt Kiểm lâm)	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm
30	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ
31	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với các địa phương không có Hạt Kiểm lâm).	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm
32	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

	phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)		
33	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	Lâm nghiệp	UBND tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng)
34	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước – Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng	Lâm nghiệp	Ban quản lý rừng đặc dụng
35	Giao rừng cho tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
36	Cho thuê rừng cho tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
37	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
38	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
39	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	Lâm nghiệp	UBND tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
40	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
41	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
42	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT

	loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ		(Chi cục Kiểm lâm)
43	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được Lâm nghiệp ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)
44	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
2	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
3	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
4	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
5	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
6	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
7	Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với cá nhân, hộ gia đình,	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện

	cộng đồng dân cư thôn)		
8	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
9	Đóng dấu búa kiểm lâm	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
10	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
11	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
12	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu.	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
13	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
14	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
15	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
16	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
17	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện



18	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
----	--	------------	----------------

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn.	Lâm nghiệp	UBND cấp xã
2	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên	Lâm nghiệp	UBND cấp xã
3	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	Lâm nghiệp	UBND cấp xã

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Hỗ trợ đầu tư trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BKHĐT-BNNPTNT-BTC ngày 19/8/2013 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2015.
2	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất của tổ chức ngoài quốc doanh	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	
3	Hỗ trợ trước đầu tư trồng rừng đối với tổ chức ngoài quốc doanh	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	
4	Hỗ trợ trồng rừng sau đầu tư đối với tổ chức ngoài quốc doanh	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	
5	Hỗ trợ đầu tư, nghiệm thu thanh quyết toán rừng giống, vườn giống	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	
6	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình do tổ chức quốc doanh lập	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện	
7	Hỗ trợ trồng rừng sau đầu tư đối với hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện	
8	Thủ tục hỗ trợ đầu tư trồng rừng đối với hộ gia đình (hỗ trợ trước)	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện	
9	Hỗ trợ trồng cây phân tán	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện	
10	Hỗ trợ đầu tư vườn ươm giống lâm nghiệp	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện	